TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **527**/2026/DS-PT
Ngày: 18-6-2026
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Đinh Chí Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/4/2026, 23/4/2026, 21/5/2026 và ngày 18/6/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2026/TLPT-DS ngày 03/3/2026, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 294/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 781/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị M, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: 6 N, Khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bùi Quang C, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

2.2. Huỳnh Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Bùi Quang C: Luật sư Thái Bình T - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X, Thiết kế, Thương mại, Dịch vụ X;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang C, sinh năm 1977 - chức vụ: Giám đốc (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Đặng Vũ H, sinh năm 1969 (có mặt ngày 21/5/2026, vắng mặt các ngày 01/4/2026, 23/4/2026 và ngày 18/6/2026 có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: C N, Ấp D, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Nguyễn Hải C1, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

3.4. Nguyễn Huỳnh Hải Y, sinh năm 2003 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

3.5. Nguyễn Huỳnh Hải P, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: I P, Khu phố C, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Nguyễn Trung H1, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: 6 N, Khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày: Từ chỗ quen biết nên bà có cho ông C, bà T và Công ty Trách nhiệm hữu hạX (TNHH) Xây dựng, Thiết kế, Thương mại , Dịch vụ X (viết tắt là Công ty X) vay số tiền 2.265.000.000 đồng vào ngày 29 tháng 6 năm 2018, thời hạn vay là 03 tháng. Hai bên có làm biên nhận, ông C, bà T ký tên và Doanh nghiệp X đóng mộc đỏ. Quá trình vay, ông C, bà T và Doanh nghiệp X không trả vốn và tránh mặt cho đến nay.

Yêu cầu ông C, bà T và Doanh nghiệp X trả cho bà số tiền là 2.265.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà L, ông C1 có nợ bà số tiền 2.565.000.000 đồng, có biên nhận ngày 03/3/2018. Sau khi bà L chết thì bà đã nhận chuyển nhượng phần đất từ ông C1 để trừ nợ, xem như xóa nợ; bà L, ông C1 không còn nợ gì bà.

Tại phiên Tòa phúc thẩm lần 1 khi được hỏi đưa tiền cho ai thì bà trả lời đưa tiền cho bà L là bà trình bày nhầm lẫn, do bà L, bà T ai cũng nợ tiền của bà nên bà đã trả lời nhầm.

Số tiền 2.265.000.000 đồng bà T, ông C nợ bà là riêng, không liên quan đến số tiền bà L, ông C1. Không có việc ông C1 bán đất 1.000.000.000 đồng cấn trừ nợ cho ông C, bà T và càng không có việc bà đồng ý cho bà H đứng ra trả nợ thay ông C, bà T. Bà không biết bà H là ai, sau khi nghe điện thoại từ ông C nói rằng bà H trả nợ thay thì bà đã không đồng ý. Lý do bà khởi kiện chậm là vì lúc đó bà chưa đủ 60 tuổi, không đủ tiền đóng tạm ứng án phí. Nay bà chỉ yêu cầu đòi lại tài sản là tiền, không có yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T trình bày: Không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Số tiền 2.265.000.000 đồng trong biên nhận ngày 29/6/2018 mà bà M đang khởi kiện ông C, bà T và Công ty X thật ra là số tiền trong biên nhận ngày 03/3/2018 của bà L, ông C1 là chị ruột và anh rể của bà T mượn của bà M để trị bệnh, vì bà L lúc này bệnh ung thư gan, chị em trong nhà bao gồm bà T cũng cố gắng lo trả tiền lãi cho bà M để chạy chữa bệnh cho bà L nhưng không ngờ bà L bệnh mấy tháng rồi chết (chết ngày 04/4/2018). Ông

C1 hiện còn sống, cha mẹ bà L đã chết, bà L có 02 người con đang cư trú ở phường G, tỉnh Đồng Tháp cùng ông C1.

Biên nhận ngày 03/3/2018 do Huỳnh Thị L và Nguyễn Hải C1 ký tên mượn tiền bà M số tiền 2.565.000.000 đồng, đã trả 300.000.000 đồng (không có biên nhận) nên còn lại số tiền là 2.265.000.000 đồng.

Khi bà L chết thì bà M đến nhà đòi tiền, để mọi chuyện trong nhà được êm đẹp thì ông C, bà T mới đứng ra viết biên nhận ngày 29/6/2018 để nhận số tiền nợ còn lại là 2.265.000.000 đồng. Việc chuyển nợ qua ông C, bà T thì bà M thống nhất, không có ý kiến gì. Việc chuyển nợ từ bà L, ông C1 sang cho bà T, ông C thì bà H cũng là người chứng kiến.

Sau đó, ông C1 và các con của ông C1, bà L có chuyển nhượng cho con của bà M là anh H1 một thửa đất để cấn trừ nợ của ông C1, bà L với giá 1.000.000.000 đồng, thửa 72, tờ bản đồ 16, diện tích 308.2m^2. Việc này các bên thỏa thuận miệng, không có văn bản để giảm phần nợ gốc xuống.

Vì đã trừ 1.000.000.000 đồng tiền nợ gốc, nên số tiền 2.265.000.000 đồng chỉ còn lại 1.265.000.000 đồng. Số tiền 1.265.000.000 đồng được chuyển cho bà Đặng Vũ H trả thay ông C và ông C là người đưa thửa đất của ông C cho bà H đứng bán dùm, bà H lấy tiền đó trả cho bà M. Việc bà H trả tiền cho bà M xong chưa thì bên ông C không biết vì khi chuyển giao nợ rồi thì cũng không còn quan tâm. Bà H có ghi giấy trả nợ thay cho ông C, giấy trả nợ thay này ông C không có giữ. Số tiền là 1.500.000.000 đồng bà H nhận trả thay bao gồm 1.265.000.000 đồng gốc và 235.000.000 đồng tiền lãi.

Bị đơn khẳng định bà M biết việc chuyển giao nợ cho bà H thể hiện qua tin nhắn bà M nhắn cho ông C. Bà M biết và đồng ý nên một thời gian rất dài bà không có liên lạc cũng không có khởi kiện ông C, bà T để yêu cầu trả tiền.

Từ khi ghi biên nhận ngày 29/6/2018, ông C, bà T đóng lãi cho bà M được 03 đến 04 tháng, lãi suất 10%/tháng với số tiền hơn 100.000.000 đồng/tháng. Bản thân ông C, bà T không có trực tiếp thanh toán tiền gốc cho bà M.

- Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn X là ông Bùi Quang C trình bày: Công ty hoàn toàn không liên quan đến việc nợ bà M, không đồng ý yêu cầu của bà M. Lý do có dấu mộc đỏ trong biên nhận ngày 29/6/2018 là do cuốn vở ghi biên nhận đóng dấu mộc sẵn để cho nhân viên đi đổ xăng dầu cho dễ, còn việc có mượn nợ hay không thì phải có thành viên công ty đồng ý và ký tên đóng dấu tên đàng hoàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Vũ H trình bày: Bà và ông C có mối quan hệ làm ăn, ông C làm bên xây dựng, bà làm bên vật liệu xây dựng, hai bên làm ăn tin tưởng nhau. Khoảng năm nào bà không nhớ rõ, cách đây khoảng vài năm, ông C làm ăn thất bại có lên nhà bà ở khoảng 10 ngày đến 15 ngày; trước đó thì bà T cũng có lên nhà bà ở. Bà nhớ có 01 ngày ông C có điện thoại, bà cũng tò mò hỏi là ai, có việc gì, ông C nói nợ tiền bà M nào đó (bà không biết mặt bà M, chỉ nghe ông C nói qua chứ không biết mặt bà M, chưa từng gặp bà M), tiền này là vợ chồng ông C gây ra. Sau đó vài ngày ông C

có nhờ bà đứng ra dàn xếp dùm vì ông C muốn trở về Gò Công làm ăn, còn lo cho con cái. Bà hỏi ông C dàn xếp làm sao, thì ông C nói là nhờ bà viết 01 tờ giấy nhận nợ và hứa trả nợ cho bà M thay cho ông C, còn ông C cầm tờ giấy đó về điều đình với bà M xem sao. Bà thấy ông C nào giờ làm ăn cũng đàng hoàng nên mới viết giấy nhưng bà không đưa bản chính mà kêu ông C điện thoại cho bà M, khi ông C điện thoại cho bà M mở loa lớn cho bà nghe, ông C đọc thỏa thuận cho bà M nghe, bà M nghe xong thì chửi mắng lớn tiếng, không đồng ý với cách trả nợ của ông C nên bà xé bỏ giấy trả nợ thay. Bà xác định là có viết giấy trả nợ thay ông C nhưng bà M không đồng ý nên đã hủy bỏ giấy tờ. Bà không có nhận đất của ông C bán lấy tiền cọc để trả cho bà M. Bà cũng không có nợ tiền vợ chồng ông C. Bà có nghe người khác nói lại là bà M lên nhà bà nhưng bà không có gặp bà M, bà cũng chưa từng trả tiền gì cho bà M. Bà cũng cám ơn bà M do đã không đồng ý phương án trả nợ thay mà ông C đưa ra, lúc đó ông C nói là trường hợp bà M đồng ý thì ông C hàng tháng sẽ đưa tiền cho bà trả cho bà M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung H1 trình bày: Anh đứng tên quyền sử dụng đất do nhận chuyển nhượng của ông C1, nghe mẹ anh là bà M nói trừ nợ của bà L, ông C1. Lấy đất coi như xóa nợ luôn. Anh không có ý kiến trình bày khác. Thống nhất với ý kiến của bà M, còn việc ông C, bà T nợ tiền bà M thì anh không biết, không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 294/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Buộc ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền là 2.265.000.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M về việc buộc Công ty TNHH X, Thiết kế, Thương mại, Dịch vụ T cùng có trách nhiệm trả số tiền 2.265.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/11/2025, bị đơn ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T lần lượt có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Bùi Quang C là Luật sư Thái Bình Trần Thị Tường V trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm còn nhiều

thiếu sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ và giải quyết vụ án chưa toàn diện. Cụ thể:

+ Về tố tụng:

Về năng lực hành vi dân sự: Căn cứ Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự, hồ sơ vụ án thể hiện tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/9/2025 có nội dung ghi nhận bà M đang hôn mê sâu nhưng vẫn có chữ ký của bà M. Theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015, người trong tình trạng hôn mê không thể hiện được ý chí một cách hợp pháp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh tình trạng của bà M, cũng không xác định người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M mà vẫn xét xử sơ thẩm. Đây là vi phạm nghiêm trọng quyền tự định đoạt của đương sự và là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về việc niêm yết văn bản tố tụng: Căn cứ Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn niêm yết phải đủ 15 ngày. Đối chiếu hồ sơ vụ án, biên bản niêm yết đối với ông Nguyễn Hải C1, chị Nguyễn Huỳnh Hải Y và anh Nguyễn Huỳnh Hải P được lập ngày 15/9/2025, nhưng vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 26/9/2025. Như vậy, thời gian niêm yết chỉ có 11 ngày, không bảo đảm thời hạn luật định. Do đó, việc triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này là không hợp lệ; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đây đều là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất được cho là dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ, nên việc họ vắng mặt đã ảnh hưởng đến quá trình làm rõ sự thật khách quan của vụ án và dẫn đến nhận định chưa chính xác về việc cấn trừ nghĩa vụ.

Về việc xác minh, thu thập và đánh giá chứng cứ: Căn cứ các Điều 70, 97 và 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, hồ sơ vụ án thể hiện có căn cứ cho thấy đã phát sinh việc chuyển giao nghĩa vụ từ bị đơn sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Vũ H, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh và làm rõ đầy đủ tình tiết này. Bị đơn đã cung cấp các tin nhắn từ tài khoản Zalo "Hang Cat L1" liên quan đến việc bà H nhận nghĩa vụ trả nợ thay. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận đã từng sử dụng số điện thoại 0967.500.299, trùng với số điện thoại đăng ký tài khoản Zalo nêu trên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời phủ nhận của bà H mà không tiến hành xác minh nguồn gốc, không trưng cầu giám định, không đánh giá đầy đủ giá trị chứng minh của các tin nhắn này, vi phạm nguyên tắc đánh giá toàn diện chứng cứ theo Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng và nhận định chưa đúng quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 về chuyển giao nghĩa vụ dân sự. Cụ thể, các tin nhắn điện tử do bị đơn cung cấp, được gửi từ số điện thoại +8434486979 của bà M cho ông C vào ngày 12/8/2023, thể hiện nội dung bà M biết việc bà H đứng ra nhận nghĩa vụ trả nợ, đồng thời thể hiện việc bà M đã giữ giấy nợ liên quan đến bà H trong một thời gian dài và nhiều lần trách móc việc chưa đòi được tiền từ bà H. Theo bị đơn, các tình tiết này cho thấy bà M đã biết và chấp nhận việc

chuyển giao nghĩa vụ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định bà M không đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ mà không đánh giá đầy đủ các chứng cứ điện tử nêu trên. Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành, dữ liệu điện tử, trong đó có tin nhắn Zalo, là nguồn chứng cứ hợp pháp và có giá trị chứng minh khi được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo đúng trình tự luật định.

Lời khai của bà Đặng Vũ H còn tồn tại nhiều mâu thuẫn. Tại bản tự khai năm 2025, bà H cho rằng không chứng kiến việc lập giấy nợ và không giữ bất kỳ giấy nợ nào. Tuy nhiên, nội dung các tin nhắn từ tài khoản "Hang Cat Lap", đặc biệt là tin nhắn lúc 08 giờ 21 phút ngày 04/8/2023, lại thể hiện những thông tin không phù hợp với lời khai này. Bên cạnh đó, trong quá trình tố tụng bà H nhiều lần phủ nhận vai trò của mình trong việc chuyển giao nghĩa vụ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm lại thừa nhận đã viết giấy nhận trả nợ thay với số tiền 1.500.000.000 đồng rồi sau đó xé bỏ. Nếu giấy nhận trả nợ thay đã bị xé bỏ và bà M hoàn toàn không biết, thì cần phải làm rõ bằng cách nào bà M lại biết rõ về sự tồn tại và vai trò của bà H trong việc xử lý khoản nợ này.

Về sự mâu thuẫn trong lời khai của bà M: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/01/2025, nguyên đơn trình bày rằng bà đã giao tiền nhiều lần cho bà L, sau đó bà L giao lại cho bà T và bà M không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà L và bà T. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 28/4/2025, bà M lại trình bày: "Tôi cho bị đơn vay số tiền 2.265.000.000 đồng... giao bằng tiền mặt, giao tại nhà ông C, bà T...". Hai lời trình bày này có sự khác biệt về chủ thể nhận tiền và quá trình giao nhận tiền, nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đối chất, xác minh và làm rõ đầy đủ.

Căn cứ các Điều 22 và 370 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 69, 70, 97, 108 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã mời ông Bùi Quang C đến làm việc, ông C đã thừa nhận có vay tiền của bà M và đã trả tiền lãi được vài tháng. Khi đó, bà M có hỏi ông C vì sao khoản nợ của ông C, bà T lại chuyển sang cho bà H, vì sao ông C tự ý cung cấp số điện thoại của bà M cho bà H để liên hệ. Do bức xúc vì việc chuyển giao nghĩa vụ này không có sự đồng ý của bà, không có sự gặp mặt hay thỏa thuận giữa ba bên nên bà chỉ nhắn tin và phản ứng với ông C. Bà M không biết số điện thoại của bà H, cũng chưa từng liên hệ hay làm việc trực tiếp với bà H trước đó.

Đối với nội dung trong đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử ngày 22/9/2025 có ghi bà hôn mê sâu, bà xác định đây là sự nhầm lẫn trong quá trình viết đơn. Thời điểm đó bà đang ở Bệnh viện C2 để chăm sóc chồng bị hôn mê sâu, chứ không phải bà bị hôn mê sâu.

Vợ chồng ông C, bà T đã trực tiếp lập giấy mượn tiền, đồng thời đã trả lãi cho bà được một thời gian. Nay ông C, bà T lại cho rằng không có nghĩa vụ trả nợ hoặc đã chuyển giao nghĩa vụ cho người khác là không đúng với thực tế sự

việc. Vì vậy, bà không đồng ý toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T được thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 294/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 893/PB-VKS-DS ngày 18/6/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực H - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông C và bà T kháng cáo vào ngày 25/11/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T, bà Đặng Vũ H, ông Nguyễn Hải C1, chị Nguyễn Huỳnh Hải Y, anh Nguyễn Huỳnh Hải P và anh Nguyễn Trung H1 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH X, Thiết kế, Thương mại , Dịch vụ X phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 2.265.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền ngày 29/6/2018, bị đơn thừa nhận có ký tên giấy mượn tiền ngày 29/6/2018, tuy nhiên số tiền này là tiền nhận trả nợ thay cho bà L, ông C1, đã cấn trừ một phần nợ và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà H xong, nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Đại diện Công ty X trình bày không có liên quan đến

việc vay tiền bà M, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà M. Điều này làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn ông Bùi Quang C, bà Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giải quyết theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

* Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử ngày 22/9/2025 của bà M không xem là vi phạm tố tụng, vì bà M viết đơn trong tình trạng minh mẫn và đã gửi cho Tòa án trước khi xét xử sơ thẩm; bà M cho rằng vào thời điểm viết đơn này thì chồng bà bị bệnh cấp cứu tại phòng hồi sức tích cực do xuất huyết não, hôn mê sâu chứ không phải bản thân bà, nội dung đơn do bà ghi là có sự nhầm lẫn khi viết; xét trình bày này của bà M là có cơ sở, vì sau khi xét xử sơ thẩm bà M cũng không có kháng cáo hay khiếu nại về nội dung này.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 438/2025/QĐST-DS ngày 15/9/2025 để mở phiên tòa sơ thẩm ngày 22/9/2025 là không đủ thời gian 15 ngày theo quy định khoản 3 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên ngày 22/9/2025 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo dời phiên tòa xét xử số 438a/2025/TB-TA và đã tống đạt trực tiếp cho các đương sự, trong đó có bà Thái B Trần Thị Tường V (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn) và bà V có cam kết giao lại cho ông C, bà T (BL 340-341), vì vậy các đương sự đã biết thời gian mở lại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/9/2025, nên thủ tục tống đạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục, được xem là hợp lệ theo quy định tại Điều 170 và Điều 171 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy không xem là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

* Về nội dung:

- Nguyên đơn bà Phan Thị M cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa bà M và ông C, bà T có giao dịch vay tiền với nhau, thể hiện qua giấy mượn tiền ngày 29/6/2018 (còn viết tắt là biên nhận nợ ngày 29/6/2018); trong biên nhận thể hiện ông C cùng vợ là bà T có mượn của bà M số tiền là 2.265.000.000 đồng, thời gian trả tiền là 03 tháng kể từ ngày 29/6/2018.

- Bị đơn ông C, bà T cho rằng ông C có viết giấy mượn tiền ngày 29/6/2018 và ông C, bà T có ký tên vào giấy mượn tiền, nhưng số tiền 2.265.000.000 đồng xuất phát từ số tiền vợ chồng ông C1, bà L (bà L là chị ruột của bà T) vay của bà M số tiền 2.565.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 03/3/2018 chuyển sang, do ông C1, bà L đã trả 300.000.000 đồng, nên còn lại số tiền 2.265.000.000 đồng. Do lúc đó bà L chết, bà M đến đòi tiền nên ông C, bà T phải đứng ra dàn xếp ký ngày 29/6/2018 cho êm chuyện, lúc viết giấy mượn tiền ngày 29/6/2018 có bà Đặng Vũ H chứng kiến việc chuyển giao nợ từ bà L, ông C1 sang cho ông C và bà T. Xét trình bày của bị đơn là không có căn cứ vì ngoài lời trình bày ra thì ông C, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 2.265.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 29/6/2018 chính là một

phần của số tiền 2.565.000.000 đồng trong biên nhận nợ ngày 03/3/2018 chuyển sang, việc này không được bà M và bà H thừa nhận. Trong nội dung giấy mượn tiền ngày 29/6/2018 cũng không có nội dung nào thể hiện chuyển giao nghĩa vụ từ bà L, ông C1 sang bà T, ông C.

- Bị đơn ông C, bà T trình bày đã trả xong số tiền 2.265.000.000 đồng bằng hình thức cấn trừ 01 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 72, tờ bản đồ 16, diện tích 308.2m^2 cho con của bà M là anh Nguyễn Trung H1, xét là không có căn cứ vì ngoài lời trình bày ra bị đơn không cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này.

Quá trình giải quyết vụ án phía ông C1 và các con bà L, ông C1 là anh Nguyễn Huỳnh Hải P, chị Nguyễn Huỳnh Hải Y cũng không có ý kiến gì, có đơn xin xét xử vắng mặt và cho rằng việc ông C1, bà L vay tiền và chuyển nhượng QSD đất cho bà M không liên quan đến vụ kiện tranh chấp vay tiền giữa bà M với ông C, bà T; đối với bà M thừa nhận có để cho con bà là anh H1 nhận chuyển nhượng phần đất thửa 72 của ông C1, tuy nhiên là để cấn trừ phần tiền nợ của bà L, ông C1 nợ riêng của bà và xác định rằng anh C1, bà L không còn nợ gì bà. Trong trường hợp bị đơn nếu có việc cấn trừ 1.000.000.000 đồng thì sau khi giao dịch chuyển nhượng đất xong hai bên phải có trách nhiệm gặp nhau thoả thuận viết lại giấy nợ để giảm tiền nợ gốc xuống hoặc có thoả thuận khác nhưng các bên đều trình bày không có gặp nhau thoả thuận lại việc này.

Ngoài ra, bị đơn cho rằng số tiền gốc còn lại là 1.265.000.000 đồng (sau khi trừ 1.000.000.000 đồng chuyển quyền sử dụng đất) và tiền lãi là 235.000.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000.000 đồng thì ông C nhờ bà H là người đứng ra trả thay vì ông không muốn gặp bà M, do ông C không muốn bà M bước chân vào nhà ông. Hình thức trả tiền ông C trình bày tại biên bản ghi lời khai là ông đưa tiền cho bà H nhiều lần đến khi đủ số tiền 1.500.000.000 đồng, tại biên bản đối chất ông trình bày là ông đưa đất cho bà H bán, nhận tiền cọc và lấy tiền cọc đó trả cho bà M. Bà H có viết giấy trả nợ thay cho ông, bà H giữ bản chính chỉ có chụp hình gửi cho ông và ông photo ra giữ. Quá trình giải quyết vụ án và biên bản đối chất bà H thừa nhận ông C có nhờ bà đứng ra điều đình với bà M bằng hình thức viết giấy trả thay số tiền ông C, bà T nợ là 1.500.000.000 đồng và mỗi tháng trả 100.000.000 đồng, nhưng sau khi trao đổi với bà M thì bà M không đồng ý nên bà đã xé giấy trả thay. Nên không có căn cứ xác định trách nhiệm bà H nhận trả nợ thay cho bị đơn. Mặt khác, việc bà M (bên có quyền) không đồng ý nên không thoả mãn điều kiện chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp có chuyển giao nghĩa vụ dân sự thì phải được các bên thống nhất và đồng ý thực hiện, phía ông C thừa nhận không có gặp hay liên hệ với bà M để thống nhất thoả thuận bà H trả nợ thay, chỉ đưa số điện thoại cho bà H và bà M tự liên lạc với nhau; bị đơn dựa vào tin nhắn bà M nhắn cho ông C để cho rằng bà M biết và đồng ý với việc bà H trả nợ thay và không có trách nhiệm trả nợ cho bà M là chưa có cơ sở vững chắc.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông C cung cấp file ghi âm thể hiện cuộc đối

thoại giữa bà H và ông C, trong đó có nội dung thể hiện bà H có nhận ông C số tiền 1.700.000.000 đồng; theo lời khai của bà H thì bà có nhận số tiền này của ông C để hùn mua sà lan nhưng sau khi bán sà lan bà đã trả số tiền này lại cho ông C. Xét thấy, việc này nếu các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Đối với việc nguyên đơn bà M yêu cầu Công ty TNHH X, Thiết kế, Thương mại, Dịch vụ Trường Chiêu có trách nhiệm trả tiền là không có cơ sở vì bà M cũng thừa nhận cho vợ chồng ông C, bà T vay tiền không phải cho Công ty vay, ông C đóng dấu Công ty để làm tin, nội dung giấy mượn tiền ngày 29/6/2018 cũng không thể hiện Công ty vay tiền của bà M hay ông C đại diện công ty vay tiền của bà, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà M là có cơ sở.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị M, buộc bị đơn ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền là 2.265.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Tại phiên tòa Luật sư Thái Bình T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Bùi Quang C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo của ông C; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của Luật sư V là không đủ căn cứ, đồng thời ông C, bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ các cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của Luật sư Thái Bình Trần Thị Tường V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Bùi Quang C tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là không có đủ cơ sở, nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 294/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Bùi Quang C và bà Huỳnh Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Thái B Trần Thị Tường V đã nộp thay cho ông C và bà T là 600.000 đồng, theo 02 biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009142 và số 0009143 cùng ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GĐKTTT&THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực H - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực H -Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Danh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tấn Lợi